

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26/6/2026 giữa các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 105/2026/TLST-KDTM ngày 23 tháng 3 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:
Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ
Địa chỉ: T, Số A T, phường H, Thành phố Hà Nội.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang T; Bà Hồ Thị H; Ông Huỳnh Hồ Tôn Vũ Thanh T1; Bà Trần Thị Thu T2.
Cùng địa chỉ: Số D V, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.
Bị đơn: Công ty TNHH T4
Trụ sở: A L, khu phố L, phường L, Tp.
Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Bích N, chức vụ: Giám đốc; *Địa chỉ:* Buôn N, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Phạm Minh T3; sinh năm 1996
Địa chỉ: 7 N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
- Bị đơn Công ty TNHH T4 thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 63/2022/16818131/HĐTD ngày 27/01/2022 tạm tính đến hết ngày 25/6/2026 là 59.119.148.829 (Năm mươi chín tỷ, một trăm mười chín triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm hai mươi chín) đồng, trong đó: Dư nợ gốc 38.473.497.000 đồng và Dư nợ lãi tạm tính đến hết ngày 25/6/2026 là 20.645.651.829 đồng. Cụ thể:
+ Hợp đồng tín dụng số 01/63/2022/16818131/HĐTD ngày 12/01/2023: dư nợ gốc là 14.278.582.000 đồng và dư nợ lãi là 7.662.174.059 đồng;

+ Hợp đồng tín dụng số 02/63/2022/16818131/HĐTD ngày 12/01/2023: dư nợ gốc là 13.860.505.000 đồng và dư nợ lãi là 7.437.825.552 đồng;

+ Hợp đồng tín dụng số 03/63/2022/16818131/HĐTD ngày 12/01/2023: dư nợ gốc là 10.334.410.000 đồng và dư nợ lãi là 5.545.652.217 đồng.

- Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 26/6/2026 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng, hợp đồng tín dụng cụ thể đã ký cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ vay.

- Trường hợp, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 877, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất số DD 199861 và sổ vào sổ cấp GCN CH08775 do UBND Huyện C, TP. cấp ngày 25/01/2022.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 526, tờ bản đồ số 77, địa chỉ: xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất số DD 730428, sổ vào sổ cấp GCN: CH08928 do UBND Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/4/2022.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý/bán tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với nguyên đơn. Nếu tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn vẫn phải tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp bị đơn trả đủ tiền vốn và lãi cho nguyên đơn thì nguyên đơn có trách nhiệm tắt toán giải chấp và hoàn trả toàn bộ giấy tờ tài sản bị đơn.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH T4 phải chịu 83.559.574 đồng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 62.590.232 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0017442 ngày 20/3/2026. Bị đơn công ty TNHH T4 hoàn lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 5, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Thi hành án dân sự năm 2025)”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- VKS nhân dân khu vực 2, Tp. HCM;
- VKS nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Đinh Khắc Hưng